

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS AN TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH

**Đề nghị hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019
của Hội đồng nhân dân thành phố - Học kỳ 2 năm học 2024-2025**

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
2	Nguyễn Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
3	Phạm Thị Ngọc Bích	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
4	Lê Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
5	Lương Đức Cường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
6	Vũ Thu Duyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
7	Đinh Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
8	Phạm Tùng Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
9	Ngô Vũ Quốc Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
10	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
11	Nguyễn Vũ Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
12	Trần Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
13	Lương Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
14	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
15	Vũ Quốc Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
16	Nguyễn Bảo Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
17	Nguyễn Phương Lê	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
18	Vũ Trà Mi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
19	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
20	Nhân Duy Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
21	Ôn Lê Bảo Ngân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
22	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
23	Đoàn Gia Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
24	Lương Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
25	Vũ Chân Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
26	Đào Minh Phúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
27	Hoàng Thị Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
28	Nguyễn Đăng Quang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
29	Nguyễn Thị Bảo Quyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
30	Nguyễn Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
31	Nguyễn Tiên Thành	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
32	Đỗ Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
33	Nguyễn Hoàng Thiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
34	Phạm Hoài Thư	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
35	Nguyễn Minh Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
36	Đồng Quốc Trung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
37	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
38	Hoàng Minh Tuyết	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
39	Trần Đặng Ai Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
40	Nguyễn Phương Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
41	Bùi Duy Mạnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	310.000	0
42	Lâm Vũ Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
43	Bùi Ngọc Bảo Ánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
44	Tạ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
45	Vũ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
46	Bùi Gia Bằng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
47	Nguyễn Đức Cảnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
48	Phùng Thị Thảo Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
49	Nguyễn Tiên Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
50	Nguyễn Anh Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
51	Lương Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
52	Đinh Quang Hiệu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
53	Hoàng Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
54	Phạm Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
55	Phạm Thị Minh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
56	Phạm Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
57	Phạm Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
58	Phạm Ngọc Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
59	Nguyễn Nguyên Khôi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
60	Nguyễn Ngọc Lan	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
61	Bùi Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
62	Dương Thị Kiều Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
63	Nguyễn Thành Luân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
64	Vương Thảo Ly	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
65	Nguyễn Thị Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
66	Nguyễn Lê Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
67	Nguyễn Trà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
68	Hoàng Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
69	Nguyễn Tuấn Nghĩa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
70	Vương Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
71	Bùi Trang Nhung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
72	Vũ Anh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
73	Phạm Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
74	Nguyễn Thanh Thủy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
75	Bùi Thị Anh Thư	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
76	Vũ Thành Tiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
77	Lê Thị Ngọc Trâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
78	Đinh Minh Trí	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
79	Vũ Khánh Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
80	Nguyễn Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
81	Nguyễn Thành Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
82	Đồng Thị Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
83	Phạm Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
84	Phan Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
85	Vũ Ngọc Hoàng Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
86	Chu Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
87	Mạc Duy Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
88	Nguyễn Bảo Châu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
89	Vũ Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
90	Nguyễn Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
91	Nguyễn Tiên Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
92	Đoàn Thị Duyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
93	Nguyễn Việt Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
94	Đặng Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
95	Hứa Hồng Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
96	Nguyễn Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
97	Nguyễn Trần Hoàn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
98	Lê Quốc Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
99	Bùi Ngân Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
100	Phạm Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
101	Nguyễn Phúc Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
102	Nguyễn Hoàng Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
103	Lương Ngọc Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
104	Ngô Hải Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
105	Nguyễn Bình Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
106	Nguyễn Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
107	Tông Phú Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
108	Vũ Hoài Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
109	Hoàng Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
110	Vũ Kiều Oanh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
111	Trịnh Duy Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
112	Vũ Nam Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
113	Bùi An Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
114	Lương An Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
115	Dương Minh Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
116	Nguyễn Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
117	Tô Ngọc Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
118	Nguyễn Hoàng Trung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
119	Phạm Tuấn Tú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
120	Lương Sơn Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
121	Lương Huệ Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
122	Nguyễn Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
123	Bùi Thị Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
124	Nguyễn Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
125	Nguyễn Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
126	Đoàn Lê Thái Ân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
127	Hoàng Duy Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
128	Nguyễn Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
129	Đỗ Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
130	Lai Thiên Hào	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
131	Nguyễn Thị Minh Hằng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
132	Phú Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
133	Phạm Văn Hòa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
134	Đỗ Trọng Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
135	Lương Đức Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
136	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
137	Bùi Gia Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
138	Tạ Bảo Khang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
139	Bùi Trung Kiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
140	Nguyễn Hùng Tuấn Kiệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
141	Nguyễn Thị Linh Lan	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
142	Hồ Phương Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
143	Vũ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
144	Vương Gia Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
145	Nguyễn Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
146	Dương Hà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
147	Nguyễn Xuân Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
148	Hoàng Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
149	Mai Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
150	Bùi Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
151	Ngô Khánh Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
152	Nguyễn Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	155.000	155.000
153	Phạm Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
154	Phú Hồng Ninh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
155	Hoàng Danh Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
156	Lương Văn Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
157	Ngô Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
158	Nguyễn Đức Thành	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
159	Phạm Đức Thịnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
160	Phạm Thị Minh Thương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
161	Lương Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
162	Phú Huỳnh Thảo Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
163	Nguyễn Như Ý	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
164	Nguyễn Hải An	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
165	Lê Thị Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
166	Lương Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
167	Hoàng Thị Thanh Bình	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
168	Lương Xuân Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
169	Đinh Tùng Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
170	Ngô Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
171	Lê Minh Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
172	Nguyễn Thị Thu Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
173	Lương Đức Hiệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
174	Vũ Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
175	Đỗ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
176	Nguyễn Chiên Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
177	Nguyễn Duy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
178	Phú Tuấn Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
179	Trần Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
180	Phú Minh Khôi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
181	Đỗ Thành Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
182	Ngô Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
183	Vũ Hoàng Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
184	Hoàng Như Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
185	Nguyễn Thị Trà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
186	Vũ Hiền My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
187	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
188	Nguyễn Thùy Nhung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
189	Hoàng Anh Như	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
190	Vũ Huy Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
191	Lương Minh Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
192	Đào Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
193	Lê Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
194	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
195	Đỗ Phạm Thanh Thúy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
196	Đỗ Bùi Tiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
197	Nguyễn Mai Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
198	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
199	Nguyễn Văn Tùng	THCS An Tiến	62.000	1	62.000		62.000
200	Phạm Thanh Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
201	Trần Phi Yên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
202	Nguyễn Hà Vân Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
203	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
204	Vương Thủy Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
205	Đoàn Lê Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
206	Lương Tuấn Cường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
207	Lê Tất Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
208	Nguyễn Tân Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
209	Ôn Thành Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
210	Nguyễn Nhật Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
211	Trần Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
212	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
213	Nguyễn Đức Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
214	Nguyễn Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
215	Nguyễn Thị Thanh Hoa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
216	Nguyễn Quang Gia Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
217	Đào Thu Hường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
218	Vũ Văn Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
219	Nguyễn Hoàng Bảo Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
220	Khúc Gia Lợi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
221	Nguyễn Thị Tuyết Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
222	Đào Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
223	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
224	Hứa Trần Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
225	Đỗ Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
226	Nguyễn Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
227	Nguyễn Văn Phát	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
228	Trần Đức Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
229	Lương Mai Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
230	Đỗ Văn Quang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
231	Nguyễn Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
232	Phạm Đức Thịnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
233	Đỗ Trúc Thương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
234	Nguyễn Văn Toàn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
235	Nguyễn Mai Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
236	Đặng Thị Anh Tuyết	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
237	Nguyễn Thị Mai Uyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
238	Hoàng Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
239	Phạm Đức Vượng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
240	Nguyễn Nhật Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
241	Vũ Thị Nguyệt Ánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
242	Lương Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
243	Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
244	Nguyễn Thị Khánh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
245	Phạm Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
246	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
247	Nguyễn Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
248	Dương Anh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
249	Lê Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
250	Trần Đỗ Bảo Hân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
251	Phạm Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
252	Bùi Công Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
253	Trần Quang Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
254	Vũ Duy Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
255	Đỗ Đức Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
256	Lê Ngọc Châu Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
257	Lương Minh Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
258	Phạm Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
259	Vương Gia Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
260	Nguyễn Mai Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
261	Nguyễn Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
262	Bùi Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
263	Lương Gia Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
264	Ngô Nhật Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
265	Vũ Hoàng Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
266	Đoàn Thị Trà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
267	Phạm Phương Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
268	Trần Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
269	Đặng Bảo Ngân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
270	Đào Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
271	Lương Đức Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
272	Vũ Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
273	Đồng Huy Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
274	Lê Thanh Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
275	Nguyễn Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
276	Nguyễn Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
277	Nguyễn Kiều Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
278	Ngô Hải Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
279	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
280	Lê Minh Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
281	Nguyễn Yên Vi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
282	Ngô Minh Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
283	Nguyễn Duy Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
284	Nguyễn Ngọc Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
285	Đào Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
286	Lê Hồng Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
287	Phan Thị Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
288	Nguyễn Văn Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
289	Lương Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
290	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
291	Phạm Mai Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
292	Phú Thị Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
293	Ngô Giang Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
294	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
295	Nguyễn Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
296	Phạm Thiên Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
297	Ngô Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
298	Nguyễn Đăng Khoa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
299	Nguyễn Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
300	Phạm Duy Mạnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
301	Bùi Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
302	Phú Hoàng Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	155.000	155.000
303	Bùi Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
304	Đào Thị Phương Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
305	Nguyễn Anh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
306	Đào Thị Minh Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
307	Đinh Thị Quỳnh Như	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
308	Phạm Trí Phát	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
309	Nguyễn Minh Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
310	Nguyễn Minh Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
311	Hoàng Thị Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
312	Nguyễn Xuân Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
313	Nguyễn Minh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
314	Trần Nguyễn Trúc Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
315	Phạm San San	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
316	Đỗ Minh Tân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
317	Đào Thị Thủy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
318	Phạm Thị Thủy Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
319	Nguyễn Kim Duy Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
320	Bùi Gia Vinh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
321	Trần Nguyễn Bình An	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
322	Bùi Vũ Mai Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
323	Khúc Nguyễn Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
324	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
325	Nguyễn Hải Bình	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
326	Hoàng Ngọc Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
327	Nguyễn Thị Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
328	Đặng Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
329	Khúc Minh Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
330	Bùi Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
331	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
332	Tạ Văn Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
333	Trần Quốc Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
334	Nguyễn Văn Giáp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
335	Đào Tuấn Hải	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
336	Trần Thanh Hải	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
337	Nguyễn Quốc Hào	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
338	Phạm Bảo Hân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
339	Phạm Khánh Hiền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
340	Bùi Duy Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
341	Nguyễn Thê Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
342	Nguyễn Thị Minh Hồng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
343	Đỗ Trần Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
344	Vũ Văn Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
345	Hoàng Thị Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
346	Lương Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
347	Nguyễn Vũ Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
348	Trần Vũ Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
349	Nguyễn Thành Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
350	Nguyễn Gia Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
351	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
352	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
353	Ngô Minh Nguyệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
354	Phạm Phương Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
355	Nguyễn Gia Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
356	Lê Văn Quyết	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
357	Trần Trí Tâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
358	Nguyễn Diệu Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
359	Nguyễn Minh Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
360	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
361	Hoàng Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
362	Vũ Hải Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
363	Các Hoàng Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
364	Đồng Vũ Mai Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
365	Ngô Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
366	Nguyễn Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
367	Vũ Trọng Bằng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
368	Nguyễn Thành Công	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
369	Nguyễn Đức Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
370	Đào Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
371	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
372	Nguyễn Thị Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
373	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
374	Phạm Thị Mai Hoa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
375	Vũ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
376	Nguyễn Thái Học	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
377	Phí Đăng Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
378	Khúc Văn Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
379	Khúc Minh Khoa	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
380	Nguyễn Phương Lan	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
381	Nguyễn Hương Kiều Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
382	Trần Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
383	Lê Thiên Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
384	Trần Việt Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
385	Trần Kim Ngân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
386	Lương Thị Bích Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
387	Vũ Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
388	Cao Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
389	Vũ Linh Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
390	Nguyễn Châu Hùng Phi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
391	Đào Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
392	Nguyễn Trọng Sang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
393	Phạm Thanh Sang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
394	Phạm Thị Minh Tâm	THCS An Tiến	62.000	1	62.000		62.000
395	Nguyễn Khánh Toàn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
396	Vương Thùy Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
397	Nguyễn Thị Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
398	Nguyễn Tuyết Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
399	Lê Uy Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
400	Phạm Bá Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
401	Hoàng Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
402	Nguyễn Đức Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
403	Phạm Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
404	Lại Hiền Diệu	THCS An Tiến	62.000	1	62.000		62.000
405	Nguyễn Thành Dũng	THCS An Tiến	62.000	1	62.000		62.000
406	Hoàng Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
407	Đoàn Ngọc Hân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
408	Trần Khánh Hoàn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
409	Nguyễn Khánh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
410	Lai Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
411	Trần Ngân Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
412	Phan Đăng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
413	Đinh Nguyễn Hà Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
414	Đỗ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
415	Đỗ Duy Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
416	Vũ Đại Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
417	Nguyễn Thị Thanh Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
418	Vương Thị Ngọc Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
419	Lương Duy Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
420	Nguyễn Gia Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
421	Cao Văn Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
422	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
423	Trần Duy Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
424	Phạm Kim Ngân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
425	Trịnh Bảo Nguyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
426	Vương Như Nguyệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
427	Lương Đức Phú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
428	Nguyễn Văn Thành	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
429	Hoàng Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
430	Các Văn Thịnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
431	Các Thị Thùy Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
432	Phạm Huyền Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
433	Phí Bùi Hà Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
434	Vương Thành Trung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
435	Bùi Xuân Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
436	Đỗ Duy Tường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
437	Đào Tường Vi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
438	Nguyễn Phú Vinh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
439	Đỗ Huy Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
440	Đinh Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
441	Nguyễn Thị Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
442	Phạm Thị Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
443	Tông Hà An	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
444	Đoàn Cao Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
445	Phạm Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
446	Phạm Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
447	Vũ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
448	Nguyễn Dương Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
449	Thiếu Hạnh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
450	Nguyễn Anh Diệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
451	Nguyễn Huy Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
452	Nguyễn Mạnh Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
453	Hoàng Anh Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
454	Nguyễn Thành Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
455	Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
456	Ngô Hoàng Gia Hân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
457	Nguyễn Văn Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
458	Lương Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
459	Nguyễn Hoàng Khánh Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
460	Nguyễn Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
461	Trần Đăng Khôi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
462	Hoàng Trung Kiên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
463	Nguyễn Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
464	Vũ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
465	Đoàn Lê Khánh Ly	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
466	Nguyễn Trà Mi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
467	Bùi Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
468	Vũ Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
469	Nguyễn Hà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
470	Nguyễn Thị Thúy Nga	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
471	Lê Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
472	Lương Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
473	Vũ Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
474	Đồng Triệu Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
475	Nguyễn Nam Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
476	Võ Hồng Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
477	Vũ Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
478	Nguyễn Kim Bảo Phúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
479	Lương Minh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
480	Ngô Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
481	Nguyễn Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
482	Lương Thị Như Thủy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
483	Vũ Phương Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
484	Lương Nguyễn Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
485	Lương Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
486	Nguyễn Thanh Xuân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
487	Chu Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
488	Nguyễn Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
489	Nguyễn Trâm Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
490	Bùi Thị Thủy Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
491	Nguyễn Chí Cường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
492	Khúc Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
493	Nguyễn Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
494	Nguyễn Văn Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
495	Phạm Phú Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
496	Phạm Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
497	Khúc Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
498	Nguyễn Thị Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
499	Phùng Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
500	Đào Phi Hùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
501	Vũ Khánh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
502	Nguyễn Văn Khanh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
503	Phạm Gia Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
504	Nguyễn Hào Kiệt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
505	Dương Thị Kiều	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
506	Phạm Thị Phương Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
507	Lương Mai Ly	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
508	Bùi Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
509	Phạm Lâm Khánh Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
510	Hoàng Hà My	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
511	Hoàng Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
512	Lê Như Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
513	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
514	Đặng Hà Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
515	Nguyễn Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
516	Vũ Hoài Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
517	Lê Ngọc Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
518	Nguyễn Anh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
519	Hoàng Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
520	Phạm Đan Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
521	Đặng Duy Thanh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	155.000	155.000
522	Lương Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
523	Phùng Đức Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000	155.000	155.000
524	Nguyễn Đức Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
525	Lê Anh Thư	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
526	Lương Thị Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
527	Cao Tuấn Tú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
528	Bùi Thị Tuyết Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
529	Mạc Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
530	Hoàng Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
531	Trịnh Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
532	Vũ Gia Bình	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
533	Khúc Thị Thảo Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
534	Lương Thị Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
535	Nguyễn Thành Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
536	Phạm Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
537	Phạm Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
538	Bùi Trần Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
539	Nguyễn Thành Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
540	Nguyễn Văn Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
541	Phan Thanh Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
542	Đỗ Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
543	Ngô Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
544	Bùi Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
545	Lương Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
546	Mai Thị Thanh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
547	Nguyễn Duy Khang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
548	Phan Nguyên Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
549	Ngô Bảo Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
550	Nguyễn Hải Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
551	Trần Duy Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
552	Phạm Thị Khánh Ly	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
553	Trần Ngọc Mai	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
554	Nguyễn Văn Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
555	Nguyễn Khánh Mỹ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
556	Nguyễn Hà Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
557	Lương Mạnh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
558	Vũ Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
559	Nguyễn Tiên Tài	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
560	Bùi Minh Thu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
561	Lương Thị Ngọc Thương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
562	Hoàng Bảo Thy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
563	Nguyễn Phương Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
564	Nguyễn Thị Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
565	Phan Đức Trí	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
566	Nguyễn Quang Trinh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
567	Nông Anh Tú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
568	Đinh Mạnh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
569	Nguyễn Anh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
570	Nguyễn Đức Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
571	Nguyễn Văn Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
572	Phạm Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
573	Phạm Thị Lan Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
574	Trần Hoàng Thế Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
575	Lê Thùy Dung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
576	Đồng Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
577	Lương Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
578	Nguyễn Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
579	Hoàng Thanh Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
580	Vũ Mạnh Hải	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
581	Nguyễn Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
582	Bùi Việt Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
583	Đỗ Mạnh Hùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
584	Nguyễn Mạnh Hùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
585	Hoàng Công Huy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
586	Nguyễn Thanh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
587	Vũ Thanh Hưng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
588	Trần Anh Kiện	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
589	Nguyễn Thành Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
590	Trần Diệp Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
591	Đào Phương Liên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
592	Nguyễn Thị Kim Liên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
593	Đoàn Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
594	Nguyễn Hoàng Hà Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
595	Phạm Thị Mai Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
596	Phú Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
597	Trần Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
598	Nguyễn Trịnh Anh Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
599	Trần Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
600	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
601	Nguyễn Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
602	Phạm Hoàng Phúc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
603	Nguyễn Khánh Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
604	Phạm Thị Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
605	Phạm Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
606	Lai Tiên Thành	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
607	Ngô Duy Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
608	Nguyễn Chiên Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
609	Nguyễn Văn Thuận	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
610	Phạm Văn Thuận	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
611	Trần Hà Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
612	Hoàng Thị Phương Trâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
613	Nguyễn Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
614	Nguyễn Tuấn Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
615	Lê Vũ Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
616	Trần Hạ Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
617	Bùi Ngô Bảo An	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
618	Đỗ Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
619	Nguyễn Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
620	Nguyễn Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
621	Nguyễn Thị Vân Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
622	Trần Vũ Huỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
623	Phạm Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
624	Vũ Đỗ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
625	Trương Phú Cường	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
626	Hoàng Chí Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
627	Nguyễn Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
628	Nguyễn Nhật Dương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
629	Bùi Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
630	Vũ Thị Thúy Hằng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
631	Lê Thị Thanh Hiền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
632	Lương Thanh Hiền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
633	Nguyễn Mạnh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
634	Vũ Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
635	Nguyễn Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
636	Nguyễn Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
637	Nguyễn Phi Hùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
638	Nguyễn Thị Minh Huyền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
639	Nguyễn Duy Khang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
640	Hoàng Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
641	Nguyễn Bảo Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
642	Đỗ Hoàng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
643	Phạm Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
644	Phạm Thị Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
645	Nguyễn Tiên Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
646	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
647	Đặng Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
648	Đoàn Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
649	Phạm Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
650	Lưu Khánh Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
651	Nguyễn Thị Mai Phương	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
652	Đồng Xuân Tài	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
653	Đỗ Thị Thu Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
654	Nguyễn Thị Linh Trang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
655	Lương Đức Tú	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
656	Phạm Lâm Anh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
657	Bùi Thanh Tùng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
658	Trịnh Hồng Vân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
659	Nguyễn Lâm Bảo Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
660	Nguyễn Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
661	Trịnh Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
662	Nguyễn Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
663	Lương Xuân Bảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
664	Lương Ngọc Bích	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
665	Bùi Thị Khánh Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
666	Vũ Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
667	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
668	Hoàng Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
669	Vũ Thành Duy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
670	Mai Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
671	Nguyễn Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
672	Trần Lam Điền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
673	Dương Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
674	Bùi Thị Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
675	Hoàng Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
676	Nguyễn Thị Xuân Hiền	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
677	Ngô Trọng Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
678	Nguyễn Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
679	Chu Minh Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
680	Nguyễn Văn Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
681	Vũ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
682	Đoàn Văn Hưởng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
683	Hoàng Gia Khánh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
684	Trần Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
685	Vũ Thiên Lâm	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
686	Hoàng Nhật Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
687	Lê Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
688	Nguyễn Hải Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
689	Nguyễn Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
690	Zhou Thê Minh	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
691	Lương Thị Thúy Nga	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
692	Lê Thị Ngọc	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
693	Vũ Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
694	Nguyễn Trang Nhung	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
695	Nguyễn Mạnh Quân	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
696	Vũ Hải Sơn	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
697	Phạm Thị Thu Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
698	Trần Thanh Thảo	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
699	Trần Việt Thắng	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
700	Vũ Thị Phương Uyên	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
701	Lê Đình Vũ	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
702	Dương Nguyễn Phương Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
703	Phạm Hà Vy	THCS An Tiến	62.000	5	310.000		310.000
Cộng					216.876.000	930.000	215.946.000

An Lão, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

HIỆU TRƯỞNG

Kiều Thị Ngọc

Đoàn Văn Vương

